

# MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN CĂNG THẲNG NGHỀ NGHIỆP Ở ĐIỀU DƯỠNG CÁC KHOA LÂM SÀNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH LÀO CAI NĂM 2021

ĐỖ DUY HÙNG<sup>1</sup>, LÊ THỊ THANH XUÂN<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai

<sup>2</sup>Viện Đào tạo Y học Dự phòng và Y tế Công cộng, Đại học Y Hà Nội

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả một số yếu tố liên quan đến căng thẳng nghề nghiệp của điều dưỡng các khoa lâm sàng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai năm 2021.

**Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 268 điều dưỡng theo bộ câu hỏi JCQ-V trong thời gian từ 05/2021 đến 06/2021 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai.

**Kết quả:** Tỷ lệ điều dưỡng có căng thẳng nghề nghiệp là 18,3%. Các yếu tố liên quan được xác định như đối tượng có trình độ học vấn trung cấp (OR = 2,63; 95%CI: 1,28 - 5,42); thu nhập trung bình/tháng <5 triệu (OR = 2,58; 95%CI: 1,64 - 7,81), đối tượng có mối quan hệ trong gia đình không tốt/tương đối tốt (OR = 2,96; 95%CI: 1,39 - 6,33), vị trí làm việc tại khối lâm sàng Nội (OR = 3,00; 95%CI: 1,23 - 7,31), đối tượng thỉnh thoảng có khối lượng công việc vượt quá khả năng (OR=8,80; 95%CI: 2,51 - 30,88); nhóm thường xuyên/rất thường xuyên có khối lượng công việc vượt quá khả năng (OR = 5,07; 95%CI: 1,08 - 23,77), đối tượng thỉnh thoảng phải làm việc với cường độ cao (OR = 3,58; 95%CI: 1,02 - 12,53); nhóm thường xuyên/rất thường xuyên làm việc với cường độ cao (OR = 4,51; 95%CI: 1,18 - 17,19).

**Kết luận:** Các yếu tố liên quan cần được chú trọng khi thực hiện những can thiệp giảm thiểu căng thẳng nghề nghiệp ở đối tượng điều dưỡng.

**Từ khóa:** Căng thẳng nghề nghiệp, JCQ-V, điều dưỡng.

## SUMMARY

**SEVERAL FACTORS RELATED TO OCCUPATIONAL STRESS AMONG NURSES IN CLINICAL DEPARTMENTS OF LAO CAI GENERAL HOSPITAL IN 2021**

**Objective:** To describe some factors related to occupational stress among nurses in clinical departments at Lao Cai general hospital in 2021.

**Methods:** A cross-sectional descriptive study was carried out among 268 nurses according to

the JCQ-V questionnaire in the period from 05/2021 to 06/2021 at Lao Cai general hospital.

**Results:** The proportion of nurses with occupational stress was 18.3%. Relevant factors were identified as subjects with level of educational attainment (OR = 2.63; 95%CI: 1.28 – 5.42), average income/month under 5 million VND (OR = 2.58; 95%CI: 1.64 – 7.81), subjects had a bad/relatively good family relationship (OR = 2.96; 95%CI: 1.39 – 6.33), working position at Clinical Internal Medicine (OR=3.00; 95%CI: 1.23 – 7.31), who had sometimes workload beyond capacity (OR = 8.80; 95%CI: 2.51 – 30.88) and the group often/very often had a workload beyond their capacity (OR = 5.07; 95%CI: 1.08 – 23.77), subjects sometimes have to work with high intensity (OR=3.58; 95%CI: 1.02 – 12.53) and group often/very often doing high intensity work (OR = 4.51; 95%CI: 1.18 – 17.19).

**Conclusions:** Relevant factors are considered when implementing interventions to reduce occupational stress in nursing subjects.

**Keywords:** Occupational stress, JCQ, nursing.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Công việc của ngành y là lao động gây căng thẳng thần kinh cảm xúc cao do phải làm việc trong môi trường có cường độ công việc lớn, trực đêm, trách nhiệm cao trước tính mạng bệnh nhân, nguy cơ lây nhiễm bệnh tật... Trên thế giới theo số liệu được báo cáo qua các nghiên cứu cho thấy tỷ lệ căng thẳng nghề nghiệp ở nhóm điều dưỡng dao động trong khoảng từ 17,5% đến 78,4%. Tại Việt Nam, các nghiên cứu cũng chỉ ra tỷ lệ mắc căng thẳng nghề nghiệp ở đối tượng này trong khoảng 6,4% đến 48,6% [1,2]. Các yếu tố nguy cơ đối với căng thẳng nghề nghiệp cũng được đề cập như tham gia trực đêm, được giao khối lượng công việc quá nhiều, đối xử không công bằng tại nơi làm việc, hay tham gia vào công tác quản lý, trả lương không phù hợp với sức lao động... [3,4]. Ngoài ra công việc hằng ngày của điều dưỡng là phải dành phần lớn thời gian chăm sóc cho bệnh nhân, do đó họ thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với các yếu tố nguy cơ sức khỏe. Các yếu tố kể trên là điều kiện thuận lợi làm gia tăng nguy cơ mắc căng thẳng công việc ở đối tượng điều dưỡng. Tuy nhiên cho đến

nay chưa có nhiều nghiên cứu về nguy cơ căng thẳng nghề nghiệp ở điều dưỡng tại tỉnh Lào Cai. Chính vì vậy, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này với mục tiêu mô tả một số yếu tố liên quan đến căng thẳng nghề nghiệp của điều dưỡng các khoa lâm sàng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai năm 2021.

## ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Thời gian địa điểm nghiên cứu

Từ tháng 11/2020 đến tháng 09/2021, thời gian thu thập số liệu từ tháng 05/2021 đến tháng 06/2021 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai.

### 2. Đối tượng nghiên cứu

Toàn bộ các điều dưỡng viên hiện đang làm việc tại 24 khoa lâm sàng thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai. *Tiêu chuẩn lựa chọn:* (1) Điều dưỡng đang làm việc tại các khoa lâm sàng, bao gồm điều dưỡng trưởng. (2) Có thời gian làm việc ít nhất từ 06 tháng trở lên tại Bệnh viện tại thời điểm điều tra. *Tiêu chuẩn loại trừ:* (1) Hợp đồng thử việc, hợp đồng ngắn hạn, làm việc dưới 06 tháng. (2) Các điều dưỡng không có mặt tại thời điểm tiến hành nghiên cứu (đang đi học, nghỉ thai sản).

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu: Có 268 điều dưỡng lâm sàng tham gia vào nghiên cứu.

Phương pháp chọn mẫu: Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu toàn bộ.

Công cụ và phương pháp thu thập thông tin:

- Công cụ thu thập số liệu: Sử dụng bộ câu hỏi JCQ-V để đánh giá tình trạng căng thẳng nghề nghiệp của đối tượng nghiên cứu theo mô hình Karasek. Bao gồm 22 câu hỏi và đánh giá trên 3 khía cạnh: áp lực tâm lý, quyền quyết định và sự ủng hộ trong công việc.

- Phương pháp thu thập số liệu: Số liệu được thu thập theo phương pháp tự điền vào phiếu câu hỏi dưới sự hướng dẫn và giám sát của tác giả.

## 4. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được nhập và phần mềm Epidata 3.1. và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 16.0 để xác định tỷ lệ căng thẳng nghề nghiệp và một số yếu tố liên quan đến tình trạng căng thẳng nghề nghiệp.

## 5. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thông qua Hội đồng Phê duyệt Đề cương của Trường Đại học Y Hà Nội năm 2020. Đối tượng tham gia nghiên cứu được điều tra viên giải thích rõ về mục đích của nghiên cứu. Toàn bộ thông tin của đối tượng nghiên cứu cũng được bảo mật tuyệt đối và chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả cho thấy đối tượng chiếm chủ yếu là nữ (chiếm 82,8%). Số người thuộc nhóm tuổi 30 - 35 chiếm tỷ lệ cao 47,8%. Tuổi trung bình của đối tượng tham gia nghiên cứu là 34,5, trong đó thấp nhất là 24 tuổi và cao nhất là 54 tuổi. Đối tượng tham gia nghiên cứu đa phần có gia đình chiếm tỷ lệ 88,4%. Về trình độ học vấn, đối tượng nghiên cứu có trình độ cao đẳng chiếm tỷ lệ cao nhất với 55,6%, tiếp theo là trình độ đại học/sau đại học chiếm 20,9%,

Tỷ lệ căng thẳng nghề nghiệp ở đối tượng nghiên cứu: Theo mô hình kiểm soát công việc của Karasek, tiêu chuẩn phân loại công việc theo mức độ căng thẳng dựa trên điểm yêu cầu công việc và mức độ kiểm soát trong công việc, bao gồm 4 nhóm "Công việc chủ động", "Công việc căng thẳng cao", "Công việc thụ động", "Công việc thoải mái". Biểu đồ trên cho thấy nhóm điều dưỡng có căng thẳng nghề nghiệp (yêu cầu công việc cao và quyền kiểm soát trong công việc thấp) chiếm tỷ lệ 18,3%. Bên cạnh đó, 39,2% đối tượng nghiên cứu có công việc thuộc nhóm có tính chất chủ động, 24,2% có công việc thuộc nhóm có tính chất thoải mái và 18,3% nhóm điều dưỡng đánh giá công việc của họ có tính chất thụ động.

Bảng 1. Mối liên quan giữa căng thẳng nghề nghiệp và đặc điểm nhân khẩu học

Đặc điểm	Nguy cơ căng thẳng				OR	(95% KTC)
	Có		Không			
	n	%	n	%		
Nhóm tuổi	< 30	5	13,9	31	86,1	1
	≥30	44	19,0	188	81,0	1,45
Giới	Nam	11	23,9	35	76,1	1
	Nữ	38	17,1	184	82,9	0,66
Nhóm tuổi nghề	≥ 10 năm	26	17,1	126	82,9	1
	< 10 năm	23	19,8	93	80,2	1,20
Trình độ học vấn	Cao đẳng	21	14,1	128	85,9	1
	Trung cấp	19	30,2	44	69,8	2,63
	Đại học, Sau đại học	9	16,1	47	83,9	1,17
Tình trạng hôn nhân	Đã kết hôn	44	19,6	193	81,4	1
	Sống độc thân	5	16,1	26	83,9	0,84

Thu nhập	≥ 5 triệu	35	15,1	197	84,9	1	
	< 5 triệu	14	38,9	22	61,1	3,58	1,64 - 7,81
Mối quan hệ trong gia đình	Tốt	35	15,4	193	84,6	1	
	Không tốt/tương đối tốt	14	35,0	26	65,0	2,96	1,39 - 6,33
Phải chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi	Có	27	17,4	128	82,6	1	
	Không	22	19,5	91	80,5	1,15	0,61 - 2,14
Phải chăm sóc người già	Có	15	16,7	75	83,3	1	
	Không	34	19,1	144	80,9	1,18	0,60 - 2,31

Kết quả nghiên cứu cho thấy đối tượng có trình độ học vấn trung cấp có nguy cơ mắc căng thẳng nghề nghiệp cao gấp 2,63 (OR=2,63; 95%CI: 1,28 - 5,42) lần so với đối tượng nghiên cứu có trình độ học vấn cao đẳng. Đối tượng nghiên cứu có thu nhập <5 triệu có nguy cơ mắc căng thẳng cao gấp 3,58 lần so với đối tượng có thu nhập từ 5 triệu trở lên. Đối tượng có mối quan hệ trong gia đình không tốt/tương đối tốt có nguy cơ mắc căng thẳng nghề nghiệp cao gấp 2,96 lần so với đối tượng có mối quan hệ tốt.

Bảng 2. Mối liên quan giữa nguy cơ căng thẳng nghề nghiệp và đặc điểm công việc

Đặc điểm	Nguy cơ căng thẳng				OR	(95% KTC)		
	Có		Không					
	n	%	n	%				
Bộ phận làm việc	Khối Ngoại		7	10,0	63	90,0	1	
	Khối Nội		33	25,0	99	75,0	3,00	1,23 - 7,31
	Chuyên khoa khác		9	13,6	57	86,4	1,42	0,49 - 4,09
Số đêm trực trong tuần	≤ 1 đêm		10	16,1	52	83,9	1	
	Từ 2 đêm trở lên		39	18,9	167	81,1	1,21	0,57 - 2,60
Khối lượng công việc vượt quá khả năng	Không bao giờ		3	3,8	76	96,2	1	
	Thỉnh thoảng		41	25,8	118	74,2	8,80	2,51 - 30,88
	Thường xuyên/rất thường xuyên		5	16,7	25	83,3	5,07	1,08 - 23,77
Phải làm việc với cường độ cao	Không bao giờ		3	6,4	44	93,6	1	
	Thỉnh thoảng		30	19,6	123	80,4	3,58	1,02 - 12,53
	Thường xuyên/rất thường xuyên		16	23,5	52	76,5	4,51	1,18 - 17,19

Kết quả bảng trên cho thấy đối tượng làm việc tại khối lâm sàng Nội có nguy cơ mắc căng thẳng nghề nghiệp cao gấp 3,00 lần so với nhóm khối lâm sàng Ngoại (OR=3,00; 95%CI: 1,23 - 7,31). Đối tượng thỉnh thoảng có khối lượng công việc vượt quá khả năng có nguy cơ mắc căng thẳng nghề nghiệp cao gấp 8,80 lần so với nhóm không bao giờ (OR=8,80; 95%CI: 2,51 - 30,88); tương tự ở nhóm thường xuyên/rất thường xuyên có nguy cơ mắc căng thẳng nghề nghiệp cao gấp 5,07 lần so với nhóm không bao giờ (OR=5,07; 95%CI: 1,08 - 23,77). Đối tượng thỉnh thoảng phải làm việc với cường độ cao có nguy cơ mắc căng thẳng nghề nghiệp cao gấp 3,58 lần so với nhóm không bao giờ (OR=3,58; 95%CI: 1,02 - 12,53); tương tự ở nhóm thường xuyên/rất thường xuyên có nguy cơ mắc căng thẳng nghề nghiệp cao gấp 4,51 lần so với nhóm không bao giờ (OR=4,51; 95%CI: 1,18 - 17,19).

#### BÀN LUẬN

Khi phân chia loại nguy cơ căng thẳng công việc theo mô hình kiểm soát công việc của Karasek, tỷ lệ có nguy cơ căng thẳng công việc trong nghiên cứu của chúng tôi là 18,3%. Với việc sử dụng cùng một bộ câu hỏi nghiên cứu (JCQ-V) tỷ lệ này trong nghiên cứu của chúng tôi cao hơn so với kết quả nghiên cứu của Phạm

Minh Khuê (2011) (6,4%)<sup>[5]</sup> và nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Anh và cộng sự (2018) (6,4%)<sup>[6]</sup>. Tỷ lệ điều dưỡng viên gặp căng thẳng trong công việc trong nghiên cứu này cao hơn so với các nghiên cứu khác có thể là do Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình là bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, bao gồm nhiều chuyên khoa sâu nên công việc của điều dưỡng sẽ có phần phức tạp và vất vả hơn các bệnh viện chuyên khoa như trong nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Anh (2018).

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, đối tượng nghiên cứu có trình độ trung cấp, có nguy cơ căng thẳng công việc cao gấp 2,52 lần so với đối tượng nghiên cứu có trình độ cao đẳng. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của tác giả Trịnh Xuân Quang<sup>[7]</sup>. Điều này được giải thích là do những người có trình độ thấp thường có ít tự tin về mặt chuyên môn hơn so với những người có bằng cấp cao. Đồng thời họ cũng có áp lực phải học lên cao nữa để hoàn thiện bằng cấp, tránh việc bị sa thải ra khỏi bệnh viện do bằng cấp không đáp ứng được yêu cầu, điều này làm tăng khối lượng, áp lực công việc của họ, dẫn đến nguy cơ căng thẳng cao hơn. Nghiên cứu của chúng tôi cũng chỉ ra có mối liên quan giữa thu nhập trung bình trên tháng với căng thẳng nghề nghiệp (OR=8,61; 95%CI: 2,47 - 29,98). Kết quả

này tương đồng với kết quả trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Thanh Hương và cộng sự cũng cho thấy đối tượng có thu nhập thấp hơn thì có nguy cơ mắc căng thẳng nghề nghiệp cao hơn ( $p < 0,05$ ).<sup>[8]</sup> Điều này hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tế, đối với bất kỳ ngành nghề nào, những người mang trọng trách là nguồn thu nhập chính của cả gia đình sẽ luôn cảm thấy bản thân có trách nhiệm to lớn, chính cảm giác này đã tạo nên 1 gánh nặng vô hình, cộng với những vất vả do đặc thù nghề nghiệp của điều dưỡng, sẽ làm cho đối tượng này có cảm giác căng thẳng cao hơn. Đối tượng có mối quan hệ với gia đình không tốt/tương đối tốt có nguy cơ căng thẳng nghề nghiệp cao gấp 3,32 lần ( $OR = 1,18 - 9,29$ ) so với nhóm có mối quan hệ tốt. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của tác giả Lê Thị Huệ cho thấy đối tượng có mối quan hệ với gia đình không tốt/tương đối tốt có nguy cơ mắc căng thẳng nghề nghiệp cao gấp 2,78 lần so với nhóm có mối quan hệ tốt<sup>[2]</sup>.

Về vị trí làm việc, nghiên cứu cho thấy đối tượng làm việc tại khoa lâm sàng khối Nội có nguy cơ mắc căng thẳng nghề nghiệp cao gấp 3,00 lần so với lâm sàng khối Ngoại ( $OR = 3,00$ ;  $95\%CI: 1,23 - 7,31$ ), kết quả này tương đồng với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Hương cũng cho rằng nhân viên khối nội có nguy cơ mắc căng thẳng nghề nghiệp cao gấp 7,62 lần so với khối Ngoại<sup>[9]</sup>. Trên thực tế điều dưỡng lâm sàng khối nội phải phụ trách lượng bệnh nhân đến điều trị đông hơn, bên cạnh đó bệnh nhân điều trị trong thời gian dài dẫn đến áp lực công việc là nặng nề hơn. Đối tượng thỉnh thoảng phải làm việc với cường độ cao có nguy cơ mắc căng thẳng nghề nghiệp cao gấp 3,58 lần so với nhóm không bao giờ ( $OR = 3,58$ ;  $95\%CI: 1,02 - 12,53$ ); tương tự ở nhóm thường xuyên/rất thường xuyên có nguy cơ mắc căng thẳng nghề nghiệp cao gấp 4,51 lần so với nhóm không bao giờ ( $OR = 4,51$ ;  $95\%CI: 1,18 - 17,19$ ). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Dương Thành Hiệp<sup>[10]</sup>. Ngoài ra nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy, đối tượng thỉnh thoảng có khối lượng công việc vượt quá khả năng có nguy cơ mắc căng thẳng nghề nghiệp cao gấp 8,80 lần so với nhóm không bao giờ ( $OR = 8,80$ ;  $95\%CI: 2,51 - 30,88$ ); tương tự ở nhóm thường xuyên/rất thường xuyên có nguy cơ mắc căng thẳng nghề nghiệp cao gấp 5,07 lần so với nhóm không bao giờ ( $OR=5,07$ ;  $95\%CI: 1,08 - 23,77$ ). Việc được giao công việc vượt quá khả năng sẽ gây tình trạng tâm lý không hoàn thành nhiệm vụ được giao, ảnh hưởng đến cơ hội thăng tiến và phần đầu của nhân viên.

## KẾT LUẬN

Điều dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai có tỷ lệ căng thẳng nghề nghiệp tương đối cao. Các yếu tố có liên quan đến căng thẳng nghề nghiệp trong nghiên cứu bao gồm trình độ học vấn, thu nhập, mối quan hệ trong gia đình, vị trí làm việc, khối lượng công việc vượt quá khả năng, và làm việc với cường độ cao. Các yếu tố này cần phải được lưu tâm khi thực hiện những can thiệp giảm thiểu căng thẳng nghề nghiệp ở đối tượng điều dưỡng

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thu Hà, Doãn Ngọc Hải (2015). "Điều tra stress nghề nghiệp ở nhân viên y tế", Viện Khoa học An toàn và Vệ sinh lao động.
2. Lê Thị Huệ (2018), Căng thẳng nghề nghiệp ở nhân viên y tế tại Bệnh viện Phong-Da liễu Trung ương Quy Hòa năm 2018, Luận văn Thạc sĩ Y học, Trường Đại học Y Hà Nội.
3. Lê Đăng Khoa, Đặng Quang Vinh, Nguyễn Thị Ngọc Anh và cộng sự (2018). "Tỉ lệ hiện mắc stress trên nhân viên y tế đang công tác tại các trung tâm IVF", Tạp chí Phụ sản, 16(1).
4. O. Kaewboonchoo, B. Yingyuad, T. Rawiworrakul and et al. (2014). "Job stress and intent to stay at work among registered female nurses working in Thai hospitals", J Occup Health, 56(2), tr. 93 - 9.
5. Phạm Minh Khuê, Hoàng Thị Giang (2021). "Sự căng thẳng nghề nghiệp ở nhân viên y tế của một bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh tại Hải Phòng, năm 2021", Tạp chí Y học Dự phòng, 3(152), tr. 85 - 91.
6. Anh Nguyen Ngoc, Xuan Le Thi Thanh, Hue Le Thi and et al (2020). "Occupational Stress Among Health Worker in a National Dermatology Hospital in Vietnam, 2018", Frontiers in psychiatry, 10, tr. 950.
7. Trịnh Xuân Quang (2018). Tình trạng stress của điều dưỡng các khoa lâm sàng và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Đa khoa trung tâm Tiền Giang năm 2018, Luận văn Thạc sĩ Y tế Công cộng, Trường Đại học Y tế Công cộng.
8. Nguyễn Thị Thanh Hương, Huỳnh Ngọc Anh, Tô Gia Kiên (2019). "Stress nghề nghiệp và các yếu tố liên quan ở điều dưỡng Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2", Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh, 5(23).
9. Nguyễn Thị Hương (2020), Đánh giá nguy cơ căng thẳng công việc của các điều dưỡng lâm sàng tại Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình năm 2020, Luận văn Thạc sĩ Y tế công cộng, Trường Đại học Y tế Công cộng.
10. Dương Thành Hiệp (2014). Tình trạng stress của điều dưỡng và nữ hộ sinh ở 8 khoa lâm sàng tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu tỉnh Bến Tre năm 2014 và một số yếu tố liên quan, Luận văn Thạc sĩ quản lý bệnh viện, Đại học Y tế Công cộng.